

李碧峰 于在照 孙衍峰 编撰



越南文学作品选读

军事谊文出版社

越南文学作品选读

李碧峰

于在照

孙衍峰

编撰

军事谊文出版社

(京)新登字:121 号

书 名:越南文学作品选读

编著者:李碧峰 于在照 孙衍峰

出版发行者:军事谊文出版社(北京安定门外黄寺大街乙一号)
(邮编 100011)

印刷者:北京瑞哲印刷厂

开 本:850×1168 1/32

版 次:2003 年 3 月第 1 版

印 次:2003 年 3 月第 1 次印刷

印 张:18.625

字 数:468 千字

印 数:1—500

书 号:ISBN7-80150-205-1/G·43

定 价:38.00 元

前言

《越南文学作品选读》是高等学校越语专业越南文学课教科书。

本书旨在让学生通过系统学习越南文学史上各个阶段著名作家的著名作品，掌握所学作品的思想内容、艺术手法及其文化背景知识，提高文学素养和鉴赏能力，深化对越南历史、社会、风土人情的认识，同时对吸收所学作品的语言精华，进一步提高越语水平。

本书选编作品的原则是根据越南文学史的实际，兼顾思想性、艺术性两个标准。入选的作家、作品大都是在越南文学史上不同程度地产生过影响的名家、名篇，也有一些是后起的新秀、新作，跨度从古代到 20 世纪，计 29 位共 41 篇，包括诗歌、小说、散文、话剧等各种体裁。这些作家、作品，虽为数有限，但都共有相当的代表性，应该说是能基本上反映出越南文学的概貌和成就的。

入选的作品，篇幅较短的我们全篇采用，较长的节选精彩的章节。绝大部分入选的作品我们都反复推敲，审慎地或多或少作一些删削、修改，以使情节、文字更为言简意

赅，利于学生阅读、理解。

本书的体例是先作家后作品，有些作品前面有作品梗概或作品评述，所有作品后面都有详尽的注解。

注解是本书的重要组成部分。每条注解我们都力求贴切、精当，凡涉及历史典故必追根求源、严谨考证，修正了不少前人欠妥的释义。

注解、作家简介、作品梗概和作品评述都使用越语是为了养成学生用越语思维的习惯。这样做也方便教师用越语讲解。

本书还可供爱好越南文学的越语工作者阅读欣赏或作进修之用。

本书的出版得到了学院有关部门领导、特别是东方语言文化系主任张光军教授的大力支持，在此谨致诚挚的谢意！同时也感谢朱性光同志在计算机制版方面提供的技术支持！

由于编者本平所限，书中难免存在疏漏、错误，恳请各位专家同仁及广大读者批评指正。

编者

2002 年 12 月

MỤC LỤC

	Trang
NGUYỄN TRÃI	1
Tự thân	3
Mặt trăng trong nước	4
DOÀN THỊ ĐIỂM	5
ĐẶNG TRẦN CÔN	6
Chính phụ ngâm Tóm tắt nội dung cốt truyện	7
Diễn năm VII	9
Nguyên văn và phiên âm VII	13
Diễn năm VIII	16
Nguyên văn và phiên âm VIII	23
Diễn năm IX	26
Nguyên văn và phiên âm IX	30
NGUYỄN GIA THIỀU	33
Cung oán ngâm khúc Giới thiệu sơ lược tác phẩm	35
Quan niệm của người cung nữ về cuộc đời	37
Nỗi khổ của người cung nữ bị vua ruồng bỏ	45
NGUYỄN OU	59

Truyện Kiều	Tóm tắt nội dung cốt truyện	61
	Đạp thanh, Thuý Kiều khóc má Đạm Tiên	63
	Lần đầu tiên Thuý Kiều gặp Kim Trọng	71
	Tưởng nhớ Thuý Kiều, Kim Trọng tìm đến vườn Lâm Thuý	77
	Thuý Kiều và Kim Trọng nguyện ước việc trăm năm	85
	Thuý Kiều bán mình	92
	Nỗi sầu khổ của Thuý Kiều những ngày ở lầu xanh	96
HỒ XUÂN HƯƠNG		103
	Bánh trôi	104
	Không chống mà chữa	105
	Sư hổ mang	106
	Quán Khánh	107
NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU		108
	Lục Vân Tiên	Tóm tắt nội dung cốt truyện 110
	Vân Tiên gặp hoạn nạn	112
	Vân Tiên và Nguyệt Nga gặp lại xum họp	126
TÚ XƯƠNG		138
	Cái học nhà nho	139
	Ông cò	140
TẢN ĐÀ		141

Hầu Trời	142
Ngày xuân thơ rượu	149
NGÔ TẤT TỐ	150
Tất đèn Tóm tắt nội dung cốt truyện	152
Một cảnh mua bán ở nhà nghị Quế	154
Con chó, con người	167
Lại còn suất sư của người chết	176
Tức nước vỡ bờ	182
Ông thống sứ với trận mưa hôm nọ	186
NGUYỄN CÔNG HOAN	191
Bước đường cùng Tóm tắt nội dung cốt truyện	193
Vào cửa quan	194
Kép Tư Bền	205
VŨ TRỌNG PHỤNG	214
Sổ đỏ Giới thiệu sơ lược tác phẩm	216
Phần I Sổ đào hoa của Xuân tóc đỏ,	
Văn + Minh = Văn Minh!	
Lòng thương người của bà phó đoàn	218
Phần IV Nghệ thuật vị nhân sinh,	
những sự chế tạo của cuộc Âu hoá	230

Phần XIII	Một cuộc điều tra	
	bằng sinh lý học – ngôn ngữ,	
	Xuân tóc đỏ cải cách Phật giáo	241
	Bộ răng vàng	252
NGUYỄN HỒNG		257
	Bỉ vô Tóm tắt nội dung cốt truyện	259
	Phần thứ hai	
	IV.	260
	VI.	269
	VII.	275
	Phần thứ ba	
	IV.	278
	XI.	284
NAM CAO		289
	Chí Phèo Giới thiệu sơ lược tác phẩm.	291
	Tác phẩm.	292
TỔ HỮU		322
	Từ ấy	324
	Tiếng hát sông Hương	325
	Tiếng hát đi đày — Tặng Huỳnh Ngọc Huệ	327
NGUYỄN DINH THI		330
	Vỡ bờ Giới thiệu sơ lược tác phẩm	332

Phần I	334
Phần II.	344
Phần III	361
NGUYỄN HUY TƯỜNG	381
Bắc Sơn Tóm tắt nội dung cốt truyện.	383
Hồi thứ tư	386
Hồi thứ năm	403
ANH THƠ	414
Hàng Dương	415
Kể chuyện Vũ Lăng	416
TRẦN DẰNG	419
Một lần tới thủ đô Giới thiệu sơ lược tác phẩm	420
Tác phẩm	421
TÔ HOÀI	426
Mường Giòn Tóm tắt nội dung cốt truyện.	429
I	430
III	450
VŨ CAO	469
Núi đôi	470
THÉP MỚI	473

Cây tre	475
NGUYỄN TUÂN	482
Cây liễu cổ điển giữa bãi trường ca mới	484
ANH DỨC	492
Khói	493
NGUYỄN MINH CHÂU	508
Mảnh trăng cuối rừng	509
TẾ HẠNH	530
Nhớ con sông quê hương	531
Bài ca sự sống	533
NGUYỄN KIÊN	535
Thuế làm người sang trọng	536
NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ	553
Chuyện về Hạ	554
NGUYỄN PHAN HÁCH	577
Hoa sen trắng	578

NGUYỄN TRÃI

Nguyễn Trãi (阮鵬) (1380 - 19.9.1442) hiệu Úc Trai, nguyên quán xã Chí Ngại, huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Nguyễn Trãi sinh ở Thăng Long, là cháu ngoại Trần Nguyên Đán, Tể tướng cuối đời Trần.

Thuở thanh niên, Nguyễn Trãi từng đỗ thái học sinh. Từ khoảng năm 1416, ông đến Lam Sơn, Thanh Hoá theo nghĩa quân Lê Lợi, giúp Lê Lợi đắc lực về nhiều mặt quân sự, chính trị, ngoại giao trong vòng mười năm. Năm 1428 Lê Lợi xưng vua, ông được coi là công thần khai quốc, được ban họ vua và được ban tước Quan phục hầu, giữ chức Nhập nội hành khiển kiêm Lại bộ thượng thư. Sau khi Lê Lợi mất, ông xin về hưu, ở ẩn tại động Thanh Hư, Côn Sơn, Hải Dương, song không bao lâu lại được con Lê Lợi là Lê Thái Tông khởi dụng, vừa làm quan trong triều, vừa kiêm trông coi quân dân hai đảo Đông và Bắc. Tháng 7 năm 1442, sau khi duyệt võ xong ở Chí Linh, Lê Thái Tông đến Côn Sơn ghé thăm Nguyễn Trãi. Chuyến đi có Lễ Nghi nữ học sĩ Nguyễn Thị Lộ là vợ lẽ Nguyễn Trãi đi cùng. Chẳng may trên đường về kinh thành, Lê Thái Tông đột nhiên bị bệnh, mất vào đêm mồng 7 tháng 9. Sau khi linh cữu Lê Thái Tông về đến kinh thành, triều đình liền bắt giam Nguyễn Thị Lộ. Lúc ấy, Nguyễn Trãi đang ở hai đảo Đông và Bắc, được

tin ông lập tức trở về triều đình, nhưng cũng bị bắt luôn. Hai người bị khép tội âm mưu giết vua. Thế là cả gia đình ông phải nhận bản án tru di tam tộc (誅夷三族). Đến tận 22 năm sau, Lê Thánh Tông lên ngôi năm thứ năm, triều đình mới xuống chiếu rửa oan cho ông, truy phong ông là Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, tước Tân trù bá.

Nguyễn Trãi không những là nhà quân sự, nhà chính trị mà còn là nhà văn, nhà thơ. Tác phẩm chính của ông có: **Lam Sơn thực lục** — cuốn sách ghi chép quá trình phát triển của nghĩa quân Lê Lợi những năm ở Lam Sơn, **Ức Trai di tập** — tập thơ chữ Hán, **Băng Hồ di sự lục** — hồi ký, chuyện cũ về cụ Băng Hồ, tức cụ Trần Nguyên Đán ông ngoại ông, **Ức Trai dư địa chí** — tác phẩm địa lý và đáng kể nhất là **Quốc âm thi tập** — tập thơ nôm. Trong khuôn khổ những văn liệu hiện tồn, nếu không kể những bài thơ nôm sơ sinh xuất hiện lẻ tẻ dưới đời Trần, thì **Quốc âm thi tập** là tập thơ nôm Việt Nam xưa nhất, nó gồm tất cả 254 bài, trong đó phần lớn bài không theo hẳn luật Đường mà tiếp thu cả thơ Đường lẫn thơ ca dân gian Việt Nam, nhiều bài có dùng một hai câu sáu chữ xen vào những câu bảy chữ, đánh dấu thể loại thơ cổ điển Việt Nam đã bắt đầu hình thành. Bởi vậy, **Quốc âm thi tập** có một giá trị đặc biệt trong lịch sử văn học Việt Nam.

Nguyễn Trãi là một trong những tay thợ đầu tiên xây dựng nên nền văn nôm Việt Nam. Văn nôm ông nhẹ nhàng, hàm súc.

TỰ THÂN

(Bài số 13)

Phú quý lòng hơn phú quý danh⁽¹⁾,
Thân hoà⁽²⁾ tự tại thú⁽³⁾ hoà thanh⁽⁴⁾.
Tiền sen⁽⁵⁾ tích⁽⁶⁾ để bao nhiêu thúng,
Vàng cúc⁽⁷⁾ đem cho biết mấy tình.
Ngoài cửa mạn đào⁽⁸⁾ là khách đố⁽⁹⁾,
Trong nhà cam quýt ấy tôi mình.
Ai hay ai chẳng hay thời⁽¹⁰⁾ chớ⁽¹¹⁾,
Bùi⁽¹²⁾ một ta khen ta hữu tình.

CHÚ GIẢI:

(1) [**phú quý lòng hơn phú quý danh**] Phú quý tinh thần tốt hơn phú quý vật chất.

(2) [**hoà**] Thì.

(3) [**thú**] Theo tiếng Hán 趣, thú vui, tình thú.

(4) [**thanh**] Thanh lịch, thanh tao.

(5) [**tiền sen**] Bời tiếng Hán 荷钱. Theo 《本草纲目·果部六》 (**Quả bộ** phần sáu trong **Bản thảo cương mục**) của 明·李时珍 (Lý Thời Trân đời Minh): “ 《 荷叶 》 嫩者, 荷钱; 贴水者, 蕖荷. (‘ [Hà diệp] Nộn giả, hà tiền; thiếp thủy giả, ngẫu hà.) ”; lá sen non trông như đồng tiền, nên gọi là tiền sen, gọi thế cho hình tượng.

(6) [**tích**] Theo tiếng Hán 积, dồn chứa từng ít một vào một chỗ cho thành số lượng đáng kể.

(7) [**vàng cúc**] 金菊.

(8) [**mạn đào**] Mạn, 李; Đào, 桃.

(9) [**đố**] Dừng lại.

(10) [**thời**] Thì.

(11) [**chớ**] Đây nghĩa là **mặc kệ**.

(12) [**bùi**] Có vị ngon hơi béo béo như vị của lạc, hạt dẻ.

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Đoàn Thị Điểm (段氏点) (1705 - 1.11.1748) là nhà thơ nữ nổi tiếng thời kỳ văn học cổ điển Việt Nam, hiệu Hồng Hà nữ sĩ, con ông Đoàn Doãn Nghi. Tổ tiên họ Lê, đến đời cha mới đổi họ Đoàn. Quê làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, trấn Kinh Bắc, nay thuộc tỉnh Hưng Yên. Suốt thời gian từ thuở thơ ấu cho đến tuổi trưởng thành, Đoàn Thị Điểm đều sống với cha và anh, nơi cha dạy học.

Tương truyền, Đoàn Thị Điểm rất thông minh. Một hôm bà đang soi gương, người anh ra câu đối thách bà: Đối kính hoa my nhất điểm phiên thành lưỡng điểm (对镜画眉一点翻成两点), bà đối lại ngay rằng: Lâm trì ngoạn nguyệt chỉch luân chuyển tác song luân (临池玩月只轮转作双轮), chữ 轮 là vành lại là tên của ông anh – Đoàn Luân, xứng với 点 vừa là chấm vừa là tên bà. Thật là giỏi và lanh.

Khi bà 25 tuổi, cha mất. Bà cùng với gia đình anh dời đến ngụ ở làng Vô Ngại, huyện Đường Hào, nay là Yên Mỹ, Hưng Yên. Chẳng bao lâu anh cũng mất, bỏ lại một đàn con nhỏ. Bà phải vừa làm thuốc, vừa dạy học để lấy tiền nuôi mẹ và giúp đỡ chị dâu nuôi các cháu. Bấy giờ bà đã nhiều tuổi mà vẫn chưa lấy chồng, vì chưa gặp người như ý. Mãi đến năm 37 tuổi, bà mới lấy Nguyễn Kiều, một tiến sĩ nổi tiếng hay chữ, đã góa vợ. Vừa cưới xong, Nguyễn Kiều lại đi sứ Trung Quốc ba năm. Có lẽ bà diễn nôm **Chinh phụ ngâm** của Đặng Trần Côn là trong thời gian xa chồng này. Năm 1745, Nguyễn Kiều về nước. Năm 1748, ông được cử làm Tham Thị ở Nghệ An. Đoàn Thị Điểm cùng đi với chồng. Trên đường đi, bà bị cảm nặng, chạy chữa không khỏi, cuối cùng mất ở Nghệ An vào ngày 1 tháng 11 năm đó. Nguyễn Kiều trong bài văn tế vợ, đã so sánh tài văn chương của Đoàn Thị Điểm với Tô Tiểu Muội (苏小妹) và Ban Chiêu (班昭) là những nhà văn phụ nữ nổi tiếng của Trung Quốc cổ đại.

Về sáng tác, ngoài bản diễn nôm **Chinh phụ ngâm**, Đoàn Thị Điểm còn là tác giả của tập truyện chữ Hán **Tân phả truyền kỳ** (新谱传奇).

ĐẶNG TRẦN CÔN

Đặng Trần Côn (邓陈琨) sinh và mất năm nào không rõ, chỉ biết ông sống vào khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII. Ông là nhà thơ nổi tiếng thời kỳ văn học cổ điển Việt Nam. Quê làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, phía tây Kinh thành Thăng Long, nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội. Thuở nhỏ rất chăm học. Bấy giờ không rõ tại sao Kinh thành cấm lửa rất ngặt, Đặng Trần Côn phải đào hầm xuống đất, ở dưới hầm đốt đèn đọc sách làm bài. Ông thi đậu hương cống (tương đương cử nhân), nhưng hỏng kỳ thi hội. Vì tính khoáng đạt phóng túng, không muốn bị ràng buộc bởi chuyện thi cử, nên ông không thi lên nữa mà nhận chức Huấn đạo ở một trường phủ, sau sang làm Tri huyện Thanh Oai, rồi lần hồi thăng đến chức Ngự sử đài chiếu khám.

Đầu niên hiệu Cảnh Hưng (1740 - 1786) đời Hậu Lê gặp buổi binh cách, lính tráng đi các nơi rất nhiều, Đặng Trần Côn mất thấy tai nghe nhiều cảnh ly biệt thế thảm nên cảm xúc làm ra khúc **Chinh phụ ngâm** bằng chữ Hán thể Cổ Nhạc Phủ, để nói lên tâm tư, suy nghĩ của ông trước cuộc chiến tranh phong kiến phi nghĩa, nhưng ông không dám nói thẳng việc xảy ra là ở trong bản quốc, sợ động cựa đương cục, buộc mượn chuyện nhà Hán, Đường đánh nhau với Hung Nô mà nói, nhân danh, địa danh, sự tình và phong cảnh đều lấy của Trung Quốc, oái ả nhân vật trong truyện cũng phải chọn đôi vợ chồng con nhà quý phái. Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, chỉ có thể như vậy.

Ngoài **Chinh phụ ngâm** là tác phẩm chính, ông còn mấy bài thơ vịnh cảnh đẹp Tiêu Tương — **Tiểu Tương bát cảnh** (潇湘八景) và một số bài phú như: **Trương Hàn tư thuần lư** (张翰思莼鲈: Trương Hàn nhớ rau thuần cá vược), **Trương Lương bố y** (张良布衣), **Khẩu môn thanh** (叩门声), v, v.